

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TO, THÀNH PHỐ HN**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2021

V/v: Chị A xin ly hôn anh H

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO
THÀNH PHỐ HN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO: Ông Mai Lương Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **MTA** - sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT : Thôn CC, xã PT, huyện TO, Thành phố HN.

Bị đơn: Anh **PNH** - sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT : Thôn CC, xã PT, huyện TO, Thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị MTA trình bày: Sau thời gian tìm hiểu giữa chị và anh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và tổ chức cưới theo phong tục địa phương năm 2013, đến ngày 24/6/2016 chị và anh H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện TO, Tp.HN trên cơ sở tự nguyện của hai người, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm về nhiều vấn đề nên không có hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay vợ chồng ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị không còn tình cảm với anh H nên đề nghị được ly hôn. Do chị ở xa và nhiều điều kiện khác chị có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, tên là PÁN, sinh ngày 06/8/2013 và cháu PGB, sinh ngày 11/11/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với anh H, khi ly hôn chị có quan điểm để anh H tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, chị tự nguyện đóng góp nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ/ 1 tháng /1 cháu cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi về việc nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị khai nhận không có.

Về phía bị đơn anh PNH trình bày: A và chị Á quen biết nhau từ năm 2010, đến năm 2013 thì chung sống với nhau, năm 2016 thì hai vợ chồng tổ chức đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại UBND xã PT ngày 24/6/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn chị Á đã bỏ nhà được gần 6 năm khi con còn bé để lại cho anh nuôi chăm sóc nuôi dưỡng. Nay chị Á xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn và cũng xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, tên là PÁN, sinh ngày 06/8/2013 và PGB, sinh ngày 11/11/2014. Hiện cả hai cháu đang ở với anh, khi ly hôn anh có quan điểm xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Á đóng góp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ: anh khai nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình thu thập chứng cứ, thẩm phán và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của luật tố tụng. Việc anh Hùng và chị Á có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị được chấp nhận.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á và anh H là trầm trọng, đã có thời gian sống ly thân. Đề nghị Tòa án cho chị Á được ly hôn anh H.

Về con giao anh H tiếp tục nuôi hai con chung, chị Á đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 tháng /1 cháu. cho đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Về tài sản và công nợ: anh H, chị Á khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được công bố lời khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa cả anh và chị đề có đơn xin xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt là phù hợp với quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền: Chị MTA có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN giải quyết cho chị ly hôn anh PNH, hiện anh H đang cư trú tại xã PT, huyện TO nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN.

[3] Về Nội dung: Về quan hệ vợ chồng: Chị MTA và anh PNH trước khi kết hôn có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, khi kết hôn hai người đủ tuổi quy

định và không vi phạm điều cấm, việc kết hôn giữa hai anh chị hoàn toàn tự nguyện, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được nhà nước công nhận.

Xét về quá trình chung sống vợ chồng sau khi kết hôn đã sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người không hòa giải được những va chạm nhỏ, thường xuyên xảy ra việc chị Á bỏ đi dẫn đến vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân được gần 6 năm. Xét đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được. Căn cứ luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Á được ly hôn anh H là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung PÁN, sinh ngày- 06/8/2013 và cháu P GB, sinh ngày 11/11/2014. Để đảm bảo việc chăm sóc giáo dục con trưởng thành và phù hợp với điều kiện khả năng của hai bên. Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, chị Á có quan điểm đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 cháu. Tổng là 2.000.000đồng cho hai con cho đến khi con chung trưởng thành hoặc các đương sự có yêu cầu mới. Chị Á có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung; Công nợ: Chị Á, anh H khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án thì chị MTA phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí ghi nhận trợ cấp nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều: 51, 53, 56, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Các Điều: 147, 227, 271, 272, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Chị MTA được ly hôn anh PNH.

- Về con chung: Giao hai cháu là PÁN, sinh ngày 06/8/2013 và PGB, sinh ngày 11/11/2014 cho anh PNH tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Ghi nhận việc chị Á đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/ 1 cháu / 1 tháng. Tổng là 2.000.000đồng/02 con, tính từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu mới.

Chị MTA có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; công nợ: Không xem xét trong bản án này.

- Về án phí: Chị MTA phải chịu: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0053550 ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO và 300.000đồng án phí ghi nhận trợ cấp nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HN;
- VKSND Huyện TO;
- Các đương sự;
- UBND xã PT ;
- Lưu Hồ Sơ vụ án

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN TIẾN HÙNG